

KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ MÔI TRƯỜNG: CÔNG CỤ TỐI ƯU HÓA LỘ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI XANH CHO DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

● PHẠM HOÀI NAM

Học viện Ngân hàng

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh hướng tới mục tiêu Net Zero 2050, Kế toán quản trị môi trường (EMA) đóng vai trò quan trọng. Bài viết phân tích thực trạng ứng dụng EMA còn hạn chế tại các doanh nghiệp, đồng thời đề xuất hệ thống các giải pháp đồng bộ, gồm tích hợp EMA vào hệ thống thông tin kế toán (AIS) theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC; chuẩn hóa phân loại chi phí theo kỹ thuật MFCA, EQM; số hóa quản trị qua hệ sinh thái Smart EMA; đào tạo nguồn nhân lực liên ngành. Nghiên cứu nhấn mạnh việc hoàn thiện khung khổ pháp lý và lộ trình bắt buộc công bố thông tin là động lực quan trọng để minh bạch hóa dữ liệu ESG. Triển khai EMA không chỉ giúp doanh nghiệp tuân thủ quy định mà còn kiến tạo lợi thế cạnh tranh và thu hút nguồn vốn xanh từ các nhà đầu tư quốc tế.

Từ khóa: kế toán quản trị chi phí môi trường (EMA), ra quyết định, phát triển bền vững, ESG.

1. Đặt vấn đề

Trước thực trạng biến đổi khí hậu trở thành thách thức an ninh phi truyền thống toàn cầu, việc chuyển dịch sang mô hình kinh tế tuần hoàn và cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" (Net Zero) vào năm 2050 tại COP26 đã đặt áp lực tái cấu trúc lớn lên cộng đồng doanh nghiệp (DN) Việt Nam. Tuy nhiên, thực tiễn quản trị cho thấy một nghịch lý là dù nhận thức về phát triển bền vững tăng cao, khả năng tích hợp các yếu tố môi trường vào hệ thống quản trị nội bộ vẫn còn hạn chế. Theo khảo sát của PwC Việt Nam (2024), có đến 80% DN cam kết thực hành ESG, nhưng chỉ khoảng 22% sở hữu hệ thống dữ liệu đủ tin cậy để phục vụ báo cáo và ra

quyết định. Hệ thống kế toán chi phí truyền thống, với xu hướng gộp chung các khoản chi liên quan đến tác động sinh thái vào chi phí quản lý, đã tạo ra những "điểm mù" trong dữ liệu tài chính (Jasch, 2003). Điều này khiến nhà quản trị khó nhận diện chính xác giá trị kinh tế của việc giảm thiểu lãng phí. Vì vậy, EMA nổi lên như công cụ thiết yếu để bóc tách, đo lường cả dòng vật chất lẫn thông tin tài chính môi trường (IFAC, 2005).

Tại Việt Nam, nghiên cứu của VCCI (2025) chỉ ra, chưa tới 10% DN vừa và nhỏ (SMEs) thiết lập được hệ thống mã tài khoản riêng biệt để theo dõi chi phí môi trường (CPMT), dẫn đến sự thiếu hụt thông tin cho các quyết định chiến lược. Do đó, nghiên cứu

này tập trung phân tích sâu vai trò của EMA dưới góc độ quản trị chiến lược và đề xuất lộ trình tích hợp EMA vào hệ sinh thái dữ liệu DN, góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi xanh quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về Kế toán quản trị chi phí môi trường (EMA)

Khái niệm: Theo IFAC (2005), EMA là quá trình quản lý hiệu quả kinh tế và môi trường thông qua việc phát triển và triển khai các hệ thống kế toán cũng như quy trình thực hành phù hợp liên quan đến vấn đề môi trường. EMA bao gồm 2 nội dung cốt lõi: thông tin hiện vật về việc sử dụng, luân chuyển và phát thải năng lượng, nước, nguyên vật liệu (bao gồm cả chất thải); và thông tin tiền tệ về các khoản chi phí, doanh thu và dòng tiền liên quan đến môi trường.

Phân loại chi phí môi trường: Để quản trị hiệu quả, CPMT được phân loại theo mô hình quản lý chất lượng môi trường (EQM). Theo Hansen và Mowen (2007) và IFAC (2005), có 4 nhóm chính: (1) Chi phí phòng ngừa tập trung vào việc ngăn chặn ô nhiễm ngay từ nguồn thông qua thiết kế sản phẩm xanh và đào tạo nhân thức; (2) Chi phí phát hiện dành cho hoạt động quan trắc và giám sát mức độ tuân thủ chuẩn mực; (3) Chi phí thất bại nội bộ để xử lý phế phẩm hoặc vận hành hệ thống xử lý chất thải trước khi thải ra ngoài; và (4) Chi phí thất bại bên ngoài, bao gồm các rủi ro tài chính nghiêm trọng như tiền phạt vi phạm pháp luật hoặc tổn thất uy tín thương hiệu. Việc phân loại CPMT theo mô hình này giúp DN chuyển dịch tư duy từ ứng phó sang chủ động phòng ngừa.

Vai trò của EMA: Trong lộ trình chuyển đổi xanh, EMA không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ các chuẩn mực báo cáo, mà còn trở thành công cụ điều tiết chiến lược giúp nhà quản trị hiện thực hóa các mục tiêu bền vững thông qua 8 phương diện:

Thứ nhất, cung cấp hệ thống thông tin thực chứng: EMA chuyển đổi các tác động môi trường khó định lượng sang chỉ tiêu vật chất và tiền tệ (như phát thải Scope 1, 2, 3). Việc lượng hóa này cho phép tích hợp yếu tố sinh thái vào phân tích chi phí - lợi ích, giúp nhà quản trị tách bạch các chi phí tiềm ẩn và giảm thiểu rủi ro liên quan đến các nghĩa vụ môi trường trong tương lai.

Thứ hai, hỗ trợ ra quyết định chiến lược: Khi thông tin được minh bạch hóa, EMA tối ưu hóa các lựa chọn quan trọng: (1) Đầu tư xanh: Lựa chọn công nghệ dựa trên tổng chi phí vòng đời thay vì chỉ chi phí đầu tư ban đầu; (2) Quản trị tài nguyên: Phân bổ CPMT chính xác cho từng sản phẩm giúp định giá tối ưu; (3) Quản trị rủi ro: Nhận diện sớm lãng phí và rủi ro pháp lý để thúc đẩy giải pháp phòng ngừa. Qua đó, EMA tạo nền tảng gắn kết giữa hiệu quả sinh thái và tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nền kinh tế xanh.

2.2 Thực trạng ứng dụng EMA tại các doanh nghiệp Việt Nam

2.2.1. Nhận thức và mức độ ưu tiên đối với EMA

Trước áp lực thực thi các cam kết bền vững, EMA tại Việt Nam đang chuyển dịch mạnh mẽ từ lý thuyết sang thực tiễn khi các nhà quản trị dần nhận diện đây là công cụ then chốt để nâng cao hình ảnh thương hiệu và trách nhiệm xã hội. Tuy nhiên, mức độ ưu tiên triển khai thực tế vẫn còn khoảng cách lớn so với các quốc gia trong khu vực như Thái Lan hay Malaysia. Báo cáo của PwC Việt Nam (2024) chỉ ra một thực trạng đáng quan tâm: dù có đến 80% DN cam kết thực hành ESG, nhưng phần lớn mới chỉ dừng lại ở mức độ xây dựng kế hoạch thay vì tích hợp sâu vào hệ thống kế toán quản trị. Sự phân hóa về mức độ áp dụng thể hiện rõ rệt qua quy mô và lĩnh vực hoạt động. Kết quả khảo sát tại SMEs, loại hình chiếm đến hơn 95% tổng số DN, cho thấy mức độ hiểu biết đầy đủ về khung khổ EMA ước tính chưa tới 10% (VCCI, 2023). Đối với nhóm này, CPMT vẫn bị coi là "chi phí tuân thủ" nhằm tránh các chế tài xử phạt hơn là một công cụ chiến lược để tối ưu hóa nguồn lực.

Ngay cả trong các ngành sử dụng tài nguyên nhiều và chịu áp lực trực tiếp từ các "rào cản xanh" quốc tế như CBAM hay CSRD, việc thực hành EMA vẫn còn ở giai đoạn ban đầu. Điển hình như ngành Dệt may và Da giày, chỉ có khoảng 15% DN thiết lập được hệ thống theo dõi chi tiết chi phí năng lượng và chất thải theo từng đơn vị sản phẩm. Hay trong ngành Chế biến thực phẩm và Đồ uống, dù chi phí hao hụt nguyên liệu chiếm tới 10-15% giá thành, nhưng chưa đầy 5% DN quy mô vừa ứng dụng kỹ thuật Phân tích dòng chảy vật chất (MFCA) để nhận diện các "chi phí

ẩn" (VCCI, 2025). Nguyên nhân của sự hạn chế này bắt nguồn từ việc thiếu các hướng dẫn kỹ thuật cụ thể và các chỉ số so sánh đặc thù ngành. Tại Thái Lan, Chính phủ đã luật hóa MFCA và hỗ trợ kỹ thuật mạnh mẽ; hay Malaysia với các tiêu chuẩn công bố thông tin của Bursa Malaysia (2022), DN Việt Nam vẫn đang thiếu một nền tảng dữ liệu đồng bộ để lượng hóa các mục tiêu ESG vào báo cáo tài chính. Hệ quả là, việc áp dụng EMA tại Việt Nam hiện nay chủ yếu mang tính tự phát, tập trung bộ phận nhỏ ở các DN FDI hoặc các tập đoàn lớn nằm trong chuỗi cung ứng toàn cầu, trong khi đa số DN nội địa vẫn chưa sẵn sàng đầu tư nguồn lực do chưa thấy rõ hiệu quả kinh tế tức thì trong ngắn hạn.

2.2.2. Thực trạng nhận diện và phân loại CPMT

Hiện nay, việc nhận diện và phân loại CPMT tại nhiều DN Việt Nam vẫn đang đi theo lối mòn, khiến những khoản chi này thường bị bỏ quên hoặc nhìn nhận không đầy đủ. Thực trạng này được thể hiện rõ qua các khía cạnh sau:

(1) Thực trạng nhận diện và triển khai EMA: Thực tế triển khai tại Việt Nam cho thấy, sự hạn chế đáng kể trong việc nhận diện phạm vi chi phí và tình trạng phân hóa mức độ áp dụng giữa các ngành. Theo báo cáo của VCCI (2025), hơn 90% DN nội địa vẫn duy trì phương thức kế toán truyền thống, dẫn đến việc các CPMT bị "ẩn" đi trong danh mục chi phí sản xuất hoặc quản lý chung. DN hiện mới chỉ tập trung nhận diện các khoản chi trực tiếp cuối quy trình như xử lý rác thải, nước thải hoặc tiền phạt vi phạm, mà bỏ qua các giá trị kinh tế bị thất thoát ngay trong chu trình vận hành. Tại các ngành sản xuất mũi nhọn, việc theo dõi CPMT vẫn thiếu sự bóc tách cụ thể. Ví dụ như ngành Dệt may và Da giày, chi phí nước và hóa chất xử lý chiếm tới 8-12% giá thành nhưng thường bị gộp chung vào mục điện nước, gây sai lệch trong chiến lược định giá. Tương tự, ngành thực phẩm và đồ uống ghi nhận mức hao hụt nguyên liệu thực tế lên tới 15% giá trị đầu vào (VCCI, 2025), nhưng do thiếu hệ thống đo lường dòng vật chất, các đơn vị này thường bỏ lỡ cơ hội tối ưu hóa kinh doanh từ việc nhận diện lãng phí. Đối với khối SMEs, rào cản lớn nhất nằm ở quy trình vận hành thiếu đồng bộ và sự đứt gãy thông tin giữa bộ phận kế toán và kỹ thuật. Trong khi kế toán chỉ tập trung vào chứng từ tài

chính, các dữ liệu về phát thải và tiêu hao năng lượng lại nằm ở khối kỹ thuật, khiến dòng thông tin bị gián đoạn. Cộng thêm áp lực tài chính hạn chế việc đầu tư công nghệ và nhân sự liên ngành, CPMT tại các SMEs vẫn tồn tại dưới dạng những "điểm mù", cản trở khả năng ra quyết định chiến lược dựa trên dữ liệu thực chứng.

(2) Thực trạng theo dõi, ghi nhận và xác định chi phí. Việc Thông tư số 99/2025/TT-BTC có hiệu lực đánh dấu bước ngoặt trong công tác kế toán, song thực tế triển khai kế toán môi trường tại Việt Nam vẫn gặp rào cản lớn về kỹ thuật và tư duy. Theo VCCI (2025), đa số DN nội địa chưa xây dựng phân hệ chi tiết, thường gộp CPMT vào các tài khoản chung như TK 627 hoặc TK 642. Sự thiếu hụt này khiến thông tin sinh thái bị che lấp, gây khó khăn cho việc định lượng trách nhiệm trên từng đơn vị sản phẩm. Dù khung khổ pháp lý mới đã trao quyền tự chủ cao hơn, sự mất cân đối giữa dữ liệu tiền tệ và hiện vật vẫn tồn tại. Nghiên cứu của Phan và cộng sự (2018) chỉ ra, kế toán thường bỏ qua các chỉ số về phát thải và tiêu hao năng lượng, làm gián đoạn khả năng phân tích hiệu quả kinh tế - sinh thái. Thêm vào đó, việc phân bổ chi phí theo tiêu thức truyền thống (số lượng, giờ công) không phản ánh đúng mức độ sử dụng tài nguyên thực tế. Để tận dụng lộ trình chuyển đổi xanh, DN cần chủ động xây dựng hệ thống EMA nhằm bóc tách các "chi phí ẩn", biến áp lực tuân thủ thành cơ hội cắt giảm lãng phí và gia tăng lợi nhuận bền vững.

2.2.3. Bất cập trong công tác xây dựng định mức và lập dự toán CPMT

Công tác lập kế hoạch tài chính cho các hoạt động môi trường tại các DN hiện vẫn còn nhiều khoảng trống. Sự thiếu hụt các hệ thống định mức và dự toán chuyên biệt dành riêng cho CPMT là một hạn chế trọng yếu. Thay vì được hạch toán độc lập để tối ưu hóa nguồn lực, các khoản chi này thường được lập kế hoạch một cách lỏng lẻo ghép trong các chương trình An toàn - Sức khỏe - Môi trường (HSE) hoặc kế hoạch bảo hộ lao động. Sự thiếu chặt chẽ này khiến CPMT thiếu đi tính kiểm soát của một dự toán kinh doanh, dẫn đến việc nhà quản trị gặp khó khăn trong việc theo dõi biến động chi phí, đánh giá hiệu quả đầu tư xanh và ngăn ngừa các lãng phí phát sinh trong quá trình vận hành.

2.2.4. Hạn chế trong công tác báo cáo và phân tích CPMT

Một bất cập trọng yếu khác trong quản trị là sự thiếu hụt của các hệ thống báo cáo độc lập dành riêng cho CPMT. Hiện nay, thông tin về CPMT thường chỉ được trình bày lồng ghép trong báo cáo tổng kết công tác HSE hoặc báo cáo thường niên, khiến dữ liệu bị phân tán và thiếu tính chuyên sâu cần thiết để phục vụ công tác điều hành nội bộ. Bên cạnh đó, năng lực phân tích của DN vẫn còn nhiều tồn tại, khi hầu hết chỉ dừng lại ở việc so sánh tổng số giữa thực tế và kế hoạch. Việc thiếu đi những phân tích chuyên sâu về mối quan hệ giữa dòng vật chất và chi phí đã tạo ra rào cản lớn, khiến DN khó có thể tìm ra các giải pháp sản xuất “xanh” hơn nhằm tối ưu hóa tài nguyên và cắt giảm lãng phí.

2.3. Giải pháp hoàn thiện EMA

2.3.1. Tích hợp EMA vào AIS

Theo (IFAC, 2005), "Việc tích hợp EMA vào AIS là điều kiện tiên quyết để 'tiền tệ hóa' các tác động môi trường, giúp biến các dữ liệu thô thành thông tin hữu dụng cho quá trình ra quyết định bền vững". Để tích hợp EMA hiệu quả vào AIS, DN cần thực hiện đồng bộ 3 nhóm giải pháp sau:

(1) Tái cấu trúc hệ thống tài khoản theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC. Thay vì hạch toán gộp, kế toán cần chi tiết hóa các tài khoản cấp 3, cấp 4 để bóc tách yếu tố môi trường ngay từ khâu nhập liệu, chẳng hạn như cụ thể hóa TK 621x (nguyên vật liệu bảo vệ môi trường) hay TK 642x (chi phí quản lý môi trường). Việc phân loại này phải được gắn với từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất để xác định chính xác "dấu chân sinh thái" trên từng đơn vị sản phẩm.

(2) Hợp nhất dữ liệu trong hệ sinh thái ERP. Việc tích hợp phân hệ EMA trực tiếp vào ERP cho phép tự động liên kết dữ liệu phi tài chính từ bộ phận kỹ thuật với đơn giá tài chính từ bộ phận kế toán. Sự kết nối này là cơ sở để kết xuất các báo cáo MFCA, giúp nhận diện chính xác giá trị của các "sản phẩm phi vật chất" vốn thường bị bỏ qua trong kế toán truyền thống.

(3) Tự động hóa báo cáo quản trị và chỉ số hiệu quả sinh thái. Hệ thống AIS hiện đại cần tự động hóa việc lập báo cáo biến động chi phí môi trường theo mô hình quản lý chất lượng (phòng ngừa - phát hiện -

thất bại). Khi các chỉ số này được trình bày song hành cùng báo cáo kết quả kinh doanh, nhà quản trị sẽ có cái nhìn trực quan về tỷ lệ lợi nhuận trên mỗi đơn vị tác động môi trường, từ đó chuyển dịch tư duy từ lợi ích ngắn hạn sang các quyết định chiến lược dựa trên hiệu quả tổng thể bền vững.

2.3.2. Chuẩn hóa việc nhận diện và phân loại CPMT

Để khắc phục tình trạng chi phí bị "hòa lẫn" và thiếu minh bạch, DN cần xây dựng bộ tiêu chuẩn nhận diện CPMT thống nhất dựa trên khung khổ quốc tế của IFAC (2005). Trọng tâm vào việc áp dụng kỹ thuật MFCA theo tiêu chuẩn ISO 14051, giúp nhà quản trị tách biệt rõ ràng chi phí giữa sản phẩm vật chất (giá trị hữu ích) và sản phẩm phi vật chất (lãng phí từ phế phẩm, phát thải và năng lượng thất thoát). Việc định lượng chính xác các khoản chi bị ẩn đi trong dòng sản phẩm phi vật chất giúp DN nhận diện rõ quy mô tổn thất tài chính, từ đó có cơ sở thực chứng để tối ưu hóa quy trình sản xuất. Đồng thời, DN nên chuẩn hóa việc phân loại CPMT theo mô hình EQM gồm 4 nhóm chiến lược để đánh giá khách quan hiệu quả đầu tư xanh. Logic cốt lõi là chủ động dịch chuyển dòng vốn từ nhóm "chi phí thất bại" (tiền phạt, xử lý cuối đường ống) sang nhóm "phòng ngừa" (thiết kế sinh thái, đào tạo). Sự thay đổi này không chỉ giảm thiểu rủi ro pháp lý mà còn giúp tối ưu hóa tài chính và kiến tạo lợi thế cạnh tranh bền vững trong dài hạn.

3.2.3. Xây dựng "Hệ thống EMA thông minh" (Smart EMA)

Hiện đại hóa EMA đòi hỏi thiết lập hệ thống Smart EMA dựa trên sự hợp nhất giữa hạ tầng dữ liệu số và quy trình quản trị chiến lược. Giải pháp này bắt đầu bằng việc triển khai mạng lưới IoT và cảm biến thông minh tại các "điểm nóng" sản xuất để số hóa dòng vật chất theo thời gian thực, giúp loại bỏ sai số thủ công và cung cấp dữ liệu chuẩn xác cho các báo cáo quốc tế như CBAM. Dữ liệu sau đó được tích hợp trực tiếp vào AIS thông qua điện toán đám mây để tự động hóa việc "tiền tệ hóa" chi phí môi trường trên từng đơn vị sản phẩm. Đặc biệt, việc ứng dụng Big Data và phân tích dự báo cho phép DN dự phòng các rủi ro về thuế carbon, biến động giá năng lượng và tối ưu hóa công thức sản xuất xanh. Sự dịch chuyển từ

"kế toán tuân thủ" sang "kế toán chiến lược" thông qua hệ sinh thái Smart EMA chính là đòn bẩy giúp DN tối ưu hóa giá trị sản phẩm phi vật chất, đảm bảo khả năng sinh lời và nâng cao vị thế trên thị trường toàn cầu.

3.2.4. Phát triển Nguồn nhân lực: Trụ cột của Hệ thống EMA bền vững

Để hệ thống EMA thực sự trở thành công cụ hỗ trợ ra quyết định chiến lược, DN cần chú trọng đầu tư vào yếu tố con người thông qua việc chuẩn hóa năng lực nhân sự và tái định hình tư duy quản trị. Đội ngũ kế toán hiện đại không chỉ dừng lại ở nghiệp vụ ghi chép truyền thống mà phải được trang bị kỹ năng liên ngành, từ am hiểu phân tích vòng đời sản phẩm (LCA) đến việc làm chủ các chuẩn mực báo cáo bền vững quốc tế như GRI hay IFRS S1, S2. Đồng thời, việc tổ chức các chương trình đào tạo cho cấp quản lý là vô cùng cấp thiết nhằm chuyển đổi nhận thức về CPMT từ "gánh nặng tuân thủ" sang "cơ hội chiến lược". Sự thay đổi trong tư duy này giúp xóa bỏ tâm lý ưu tiên lợi nhuận ngắn hạn, thúc đẩy việc khai thác dữ liệu EMA để kiến tạo các giá trị xanh và duy trì lợi thế cạnh tranh bền vững trong bối cảnh kinh tế mới.

3.2.5. Hoàn thiện khung khổ pháp lý: Động lực thúc đẩy thực hành EMA tại Việt Nam

Để thực thi EMA hiệu quả, vai trò dẫn dắt của Nhà nước là điều kiện tiên quyết. Trước hết, các cơ quan Nhà nước cần phối hợp ban hành hướng dẫn kỹ thuật chi tiết, phù hợp với đặc thù các ngành công nghiệp nội địa như mô hình thành công tại Thái Lan hay

Malaysia. Đồng thời, Chính phủ cần xây dựng lộ trình bắt buộc công bố CPMT đối với các DN niêm yết và các ngành có tác động sinh thái cao. Việc minh bạch hóa dữ liệu ESG thông qua hành lang pháp lý không chỉ tạo ra sân chơi bình đẳng mà còn giúp DN củng cố niềm tin với nhà đầu tư quốc tế, từ đó gia tăng khả năng tiếp cận các nguồn vốn xanh và thúc đẩy mục tiêu phát triển bền vững quốc gia.

3. Kết luận

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình tăng trưởng xanh, EMA không còn là lựa chọn tự nguyện mà đã trở thành công cụ quản trị thiết yếu đối với các DN Việt Nam. Việc triển khai EMA hiệu quả đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện: từ việc tái cấu trúc AIS theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, chuẩn hóa việc nhận diện chi phí theo mô hình MFCA và EQM, đến việc số hóa quy trình thông qua hệ sinh thái Smart EMA. Tuy nhiên, công nghệ và khung khổ kỹ thuật chỉ là điều kiện cần; năng lực nhân sự am hiểu liên ngành và một hành lang pháp lý đồng bộ từ phía Nhà nước mới là điều kiện đủ để thực hành bền vững. Việc lồng ghép các chỉ số môi trường vào dòng chảy dữ liệu tài chính không chỉ giúp xóa bỏ sự thiếu minh bạch về chi phí trong quản trị mà còn tạo nền tảng để DN tối ưu hóa nguồn lực, giảm thiểu rủi ro pháp lý và gia tăng giá trị thương hiệu. Khi các cam kết ESG được cụ thể hóa bằng những con số thực chứng từ EMA, DN Việt Nam sẽ tự tin hơn trong lộ trình chinh phục mục tiêu Net Zero và khẳng định vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Cục Phát triển doanh nghiệp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2025). Báo cáo thường niên Chuyển đổi số doanh nghiệp 2025: Chuyển đổi kép và Trí tuệ nhân tạo (AI). NXB Kế hoạch.
- PwC Việt Nam. (2024). Khảo sát mức độ sẵn sàng thực hành ESG tại Việt Nam năm 2024: Từ cam kết đến hành động. Truy cập tại <https://www.pwc.com/vn/esg-readiness-2024>
- VCCI. (2025). Báo cáo năng lực cạnh tranh và tăng trưởng xanh của doanh nghiệp nội địa. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
- Bursa Malaysia. (2022). Sustainability Reporting Guide (3rd Edition). Bursa Malaysia Securities Berhad
- Hansen, D. R., & Mowen, M. M. (2007). Managerial Accounting. South-Western Cengage Learning

IFAC. (2005). International Guidance Document: Environmental Management Accounting. International Federation of Accountants. Truy cập từ <https://www.ifac.org>

Jasch, C. (2003). The use of Environmental Management Accounting (EMA) for identifying environmental costs. *Journal of Cleaner Production*, 11(6), 667–676. [https://doi.org/10.1016/S0959-6526\(02\)00107-5](https://doi.org/10.1016/S0959-6526(02)00107-5)

Phan, T. N., Baird, K., & Su, S. (2018). Environmental management accounting adoption: A comparative study of Vietnam and Thailand. *Journal of Cleaner Production*, 182, 171-190. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2018.01.207>

Ngày nhận bài: 5/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 7/4/2026

ENVIRONMENTAL MANAGEMENT ACCOUNTING: A STRATEGIC TOOL FOR OPTIMIZING THE GREEN TRANSFORMATION PATHWAY OF VIETNAMESE ENTERPRISES

● PHAM HOAI NAM

Banking Academy of Vietnam

ABSTRACT:

In the context of the global transition toward achieving net-zero emissions by 2050, Environmental Management Accounting (EMA) has emerged as a critical tool for enhancing corporate sustainability and environmental accountability. This study examines the current limitations in the adoption of EMA within business organizations and proposes a comprehensive framework for its implementation. The proposed framework includes integrating EMA into accounting information systems (AIS) in accordance with Circular No. 99/2025/TT-BTC, standardizing environmental cost classification through Material Flow Cost Accounting (MFCA) and Environmental Quality Management (EQM) techniques, digitizing management processes through a Smart EMA ecosystem, and developing interdisciplinary human resources. The study emphasizes that strengthening the legal framework and establishing a mandatory roadmap for information disclosure are essential to improving the transparency and reliability of ESG data. Effective implementation of EMA not only enables firms to comply with regulatory requirements but also enhances competitive advantage and increases their ability to attract green capital from international investors.

Keywords: environmental cost management accounting (EMA), decision-making, sustainable development, ESG.